**ĐÁP ÁN 11** **XÃ HỘI**

***MÃ ĐỀ 172***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| B | A | C | C | A | A | C | D | B | D | D | B |

***MÃ ĐỀ 248***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| C | C | C | A | A | B | D | D | A | D | B | B |

***Câu 1. Đánh giá điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á (2đ)***

a. Thuận lợi:

- Khí hậu nóng ẩm, hệ đất phong phú, sông ngòi dày đặc, thuận lợi phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

- Biển: phát triển GTVT, ngư nghiệp, du lịch...( phát triển kinh tế biển trừ Lào)

- Nằm trong vành đai sinh khoáng , có nhiều khoáng sản => Phát triển công nghiệp

- Diện tích rừng xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm lớn.

– Nhiều cảnh quan đẹp => phát triển du lịch

b. Khó khăn: - Phát triển giao thông vận tải theo hướng Đông-Tây.

- Thiên tai: động đất, núi lửa, sóng thần, bão, lũ lụt, sóng thần…

- Suy giảm rừng, xói mòn đất…

*Biện pháp:* – Khai thác và sử dụng hợp lí tài nguyên.

– Phòng chống, khắc phục thiên tai.

***Câu 2: hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐNÁ (1đ)***

- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng:

+ GDP khu vực I giảm rõ rệt.

+ GDP khu vực II tăng mạnh.

+ GDP khu vực III tăng ở tất cả các nước.

→ chuyển đổi từ nền kinh tế thuần nông lạc hậu sang nền kinh tế có nền công nghiệp và dịch vụ phát triển.

- Mỗi nước trong khu vực có tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế khác nhau.

***Câu 3: đặc điểm cơ cấu ngành công nghiệp ở ĐNÁ (2đ)***

- Công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại nhằm phục vụ cho xuất khẩu.

- Xu hướng: Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài để tranh thủ vốn, công nghệ và thị trường.( hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ và đào tạo kĩ thuật cho người lao động, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu => tích lũy vốn )

- Cơ cấu: đang chú trọng vào các ngành công nghiệp hiện đại. Cơ cấu gồm:

+ Sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử (do liên doanh với các hãng nổi tiếng nên sản phẩm có sức cạnh tranh) => trở thành thế mạnh của nhiều nước

+ Khai thác khoáng sản: dầu khí, than, …

+ Dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, … => phục vụ Xuất khẩu.

+ Sản lượng điện lớn 439 tỉ kWh (2003) nhưng lượng điện tiêu dùng bình quân đầu người còn thấp

***Câu 4: Tính tỉ trọng GDP của Trung Quốc và thế giới: (1 đ)***

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm 1985 | Năm 1995 | Năm 2004 |
| 1,93 | 2,37 | 4,03 |

. Nhận xét (1 đ)

GDP của Trung Quốc tăng nhanh qua các năm (từ 1985 đến năm 2004 tăng 7 lần)

Tỉ trọng GDP cảu Trung Quốc đóng góp vào GDP của thế giới tăng đều, ổn định qua các năm từ 1,93% năm 1985 tăng lên 4,03% năm 2004.

Trung Quốc ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới.